TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/DS-ST
Ngày: 23-9-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mý.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23-9-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-DS ngày 18-7-2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: Số H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Cao Tấn Đức; địa chỉ: Số H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Chu Văn D và bà Trịnh Thị Linh C; địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Chu Thị L; địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N (Ngân hàng) thông qua C nhánh huyện G Đông Gia Lai cho ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 854/2019/HĐTD ngày 11-3-2019 kèm theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 11-3-2019, số tiền vay là 200.000.000 đồng, mục đích vay là chăm sóc cà phê và mua vật dụng gia đình, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn, phân kỳ trả nợ gốc là 01 kỳ ngày vào ngày 11-3-2020, số tiền trả nợ là 200.000.000 đồng. Kỳ hạn trả lãi tiền vay là 03 tháng/lần vào ngày 20 của tháng thứ 3.

Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên thì giữa Ngân hàng với ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 130319/HĐTC ngày 08-3-2019. Tài sản thế chấp gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 53 và thửa 56 tờ bản đồ 62, xã

K, huyện G, tỉnh Gia Lai, đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W 100722 ngày 23-9-2002 cho ông Chu Văn Mạnh, đã chỉnh lý biến động để thừa kế quyền sử dụng đất cho ông Chu Văn D vào ngày 28-01-2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C mới trả tiền lãi đến ngày 20-12-2019 là 15.616.440 đồng, sau đó không trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng như đã thỏa thuận nên đến ngày 12-3-2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng sang nợ quá hạn. Sau đó ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C có trả tiền gốc là 19.500.000 vào ngày 28-4-2021. Do ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 23-9-2021 là 229.916.712 đồng, trong đó nợ gốc là 180.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.493.151 đồng, nợ lãi quá hạn là 44.923.562 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ. Trường hợp ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C không trả hết số tiền còn nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị Liên đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng họ cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Chu Văn D, bà Trần Thị Linh C và bà Chu Thị Liên.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Hợp đồng tín dụng số số 854/2019/HĐTD ngày 11-3-2019 kèm theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 11-3-2019; Bảng kê tính lãi ngày 28-7-2020 và ngày 23-9-2021; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 130319/HĐTC ngày 08-3-2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W 100722 ngày 23-9-2002; Giấy báo nợ đến hạn ngày 02-3-2020; Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 12-3-2020; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động C nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20-02-2017; Quyết định bổ nhiệm lại cán bộ ngày 22-02-2019; Quyết định ủy quyền ngày 27-12-2019; Thông báo về việc ủy quyền hết hiệu lực số 506/NHNo.IGĐGL-KHKD ngày 01-7-2021; Quyết định về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ số 1152/QĐ- NHNo –TCTL ngày 17-6-2021; Giấy ủy quyền số 387/NHNo.IGĐGL-TH-GUQ ngày 09-9-2021; Quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ ngày 18-12-2019; Quyết định ban hành Điều lệ ngày 23-4-2012; Điều lệ Ngân hàng N; Danh sách mạng lưới C nhánh Ngân hàng N; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21-01-2021; Biên bản xác minh ngày 26-10-2020 và ngày 10-6-2021; Công văn số 98/CV-CNVPĐK ngày 31-5-2021 và chứng cứ kèm theo là Văn bản thỏa thuận phân Ca di sản thừa kế theo pháp luật của các đồng thừa kế.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 854/2019/HĐTD ngày 11-3-2019 kèm theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 11-3-2019 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 23-9-2021 là 229.916.712 đồng, trong đó nợ gốc là 180.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.493.151 đồng, nợ lãi quá hạn là 44.923.562 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 130319/HĐTC ngày 08-3-2019. Tài sản thế chấp gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 53 và thửa 56 tờ bản đồ 62, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai, đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W 100722 ngày 23-9-2002 cho ông Chu Văn Mạnh, đã chỉnh lý biến động để thừa kế quyền sử dụng đất cho ông Chu Văn D vào ngày 28-01-2016. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 21-01-2021 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp, đúng là tài sản Ngân hàng nhận thế chấp. Theo ông Vũ Ngọc Y là thôn trưởng cung cấp thông tin thì người đang trực tiếp sử dụng thửa đất số 240, tờ bản đồ số 53, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai là bà Chu Thị L. Tòa án đã đưa bà Trịnh Thị Liên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét, bảo đảm quyền lợi đương sự nhưng bà Lkhông thực hiện nghĩa vụ của mình, không cung cấp chứng cứ gì thể hiện tài sản trên là của bà L hoặc bà L có tranh chấp với ông Chu Văn D. Tại Công văn số 98/CV-CNVPĐK ngày 31-5-2021 cũng đã cung cấp đủ chứng cứ

thể hiện thửa đất trên do ông Chu Văn M để thừa kế cho ông Chu Văn D và đã đăng ký chỉnh lý biến động vào ngày 28-01-2016. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định thửa đất trên là tài sản của ông Chu Văn D. Trường hợp sau này nếu bà Chu Thị L có tranh chấp thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về C phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm ứng C phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C phải liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 854/2019/HĐTD ngày 11-3-2019 kèm theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 11-3-2019 tính đến ngày 23-9-2021 là 229.916.712 đồng (hai trăm hai mươi chín triệu chín trăm mười sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng), trong đó nợ gốc là 180.500.000 đồng (một trăm tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 4.493.151 đồng (bốn triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi mốt đồng), nợ lãi quá hạn là 44.923.562 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

3. Trong trường hợp ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 130319/HĐTC ngày 08-3-2019. Tài sản thế chấp gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 53 và thửa 56 tờ bản đồ 62, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai, đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số W 100722 ngày 23-9-2002 cho ông Chu Văn Mạnh, đã chỉnh lý biến động để thừa kế quyền sử dụng đất cho ông Chu Văn D vào ngày 28-01-2016.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản

nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về C phí tố tụng: Buộc ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền C phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

6. Về án phí: Buộc ông Chu Văn D và bà Trần Thị Linh C phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.495.836 đồng (mười mười một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.386.986 đồng (năm triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0011684 ngày 21-10-2020 của C cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- C cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính